

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **16/2022/KDTM-ST**

Ngày: 19/8/2022.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:*** Bà Thành Thị Thu Trang.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Lê Thị Lan - Cán bộ Chi cục thuế khu vực Biên Hoà - Vĩnh
Cửu.

2. Bà Thiều Thị Phi Loan – Nguyên cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ
thành phố B.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký tòa án
nhân dân thành phố B

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên
toà:*** Bà Trương Thị Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở
phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2021/TLST-
KDTM, ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-KDTM
ngày 27 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 154/2022/QĐST-
KDTM ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: **Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí P.**

Địa chỉ: Tổ 18, KP4, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T2 – Giám đốc.

- Bị đơn: **Công ty TNHH Sản xuất thương mại chế biến gỗ H.**

Địa chỉ: Số H10A, KP4, phường T3, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện pháp luật: Bà Lê Thị L – Chủ tịch kiêm Giám đốc

Địa chỉ: Số H10A, KP4, phường T3, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T2 có đơn xin vắng mặt; Công ty TNHH Sản xuất thương mại chế biến gỗ
H và bà L vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T2g trình bày:**

Ngày 21/4/2021, Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí P (gọi tắt là Công ty TNHH MTV Cơ khí P, theo đơn đặt hàng là bên A) và Công ty TNHH Sản xuất thương mại chế biến gỗ H (gọi tắt là Công ty TNHH SXTM chế biến gỗ H, theo đơn đặt hàng là bên B) có ký kết đơn đặt hàng số 21042021/PL-HĐP với các nội dung chính như sau:

Bên B có nhu cầu đặt hàng tại Bên A theo mẫu yêu cầu, nội dung đặt hàng như sau:

- Thanh chống mo 50 x 22 x 520 (mm), số lượng: 762 cái, đơn giá 46.000/cái, thành tiền: 35.052.000đ.

- Thanh chống mo 50 x 22 x 660 (mm), số lượng: 483 cái, đơn giá 53.500/cái, thành tiền: 25.840.500đ.

Tổng tiền hàng: 60.892.500đ, thuế GTGT: 6.089.250đ, Tổng tiền thanh toán: 66.981.750đ (*sáu mươi sáu triệu chín trăm tám mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng*).

Thời gian giao hàng: 10 ngày kể từ ngày bên A nhận được tiền tạm ứng.

Địa điểm giao hàng: Tại kho B.

Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

- Bên B thanh toán trước 50% cho bên A sau khi nhận đơn hàng.

- Thanh toán phần còn lại sau khi bên B nhận hàng, hoá đơn GTGT.

- Đơn đặt hàng này được lập thành 2 bản có giá trị kể từ ngày kí, mỗi bên giữ một bản.

Từ ngày 29/4/2021 bên A đã giao đủ số hàng của bên B đặt. Nhưng bên B chỉ thanh toán cho bên A số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) trên tổng số tiền 66.981.750 (*Sáu mươi sáu triệu chín trăm tám mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng*). Tôi đã nhiều lần đến trụ sở của Công ty bên B để đòi tiền nhưng bên B vẫn không thanh toán số tiền còn lại.

Nay Công ty TNHH MTV Cơ khí P khởi kiện, yêu cầu toà án giải quyết những vấn đề sau đây:

Buộc Công ty TNHH SXTM chế biến gỗ H phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Cơ khí P số tiền còn lại là 36.981.750 đồng (*ba mươi sáu triệu chín trăm tám mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng*);

Buộc Công ty TNHH SXTM chế biến gỗ H phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Cơ khí P số tiền lãi suất chậm trả (tạm tính từ ngày 03/5/2021 cho đến 03/11/2021): 36.981.750 đồng x 1%/tháng x 6 tháng là 2.218.950 đồng (*Hai triệu hai trăm mười tám nghìn chín trăm lẻ năm đồng*) và yêu cầu tiếp tục tính lãi suất cho đến khi đưa vụ án ra xét xử.

Ngày 17/6/2022, ông Nguyễn Văn T2 có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Công ty TNHH SXTM chế biến gỗ H trả tiền lãi suất

chậm trả, chỉ yêu cầu thanh toán số tiền hàng là 36.981.750đ (ba mươi sáu triệu chín trăm tám mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn Công ty TNHH Sản xuất thương mại chế biến gỗ H và đại diện theo pháp luật bà Lê Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có bản tự khai nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.**

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Cơ khí P buộc Công ty TNHH SXTM chế biến gỗ H thanh toán số tiền nợ là 66.981.750 đồng (Sáu mươi sáu triệu chín trăm tám mươi một nghìn bảy trăm năm đồng), đã bao gồm thuế VAT:

Các nội dung thỏa thuận tại đơn đặt hàng số 21042021/PL-HDP được ký vào ngày 21/4/2021 giữa Công ty TNHH MTV cơ khí P và Công ty TNHH SXTM chế biến gỗ H là phù hợp với các quy định của pháp luật, các bên cũng đã tự nguyện thỏa thuận việc ký kết nên phải thực hiện đúng các thỏa thuận. Qua xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, thể hiện: Công ty TNHH MTV cơ khí P đã cung cấp đúng chủng loại, số lượng hàng hóa như đơn đặt hàng, với tổng giá trị hàng hóa là 66.981.750 đồng (Sáu mươi sáu triệu chín trăm tám mươi một nghìn bảy trăm năm đồng), đã bao gồm thuế VAT. Công ty TNHH SXTM chế biến gỗ H đã thanh toán số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), Công ty H còn nợ số tiền là 36.981.750 đồng (Ba mươi sáu triệu chín trăm tám mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 430, 431, 433, 434, 440, 468 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 3, 24, 50, 55 Luật Thương mại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV cơ khí P, buộc Công ty TNHH SXTM chế biến gỗ H thanh toán số tiền nợ là 36.981.750 đồng (Ba mươi sáu triệu chín trăm tám mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu Công ty TNHH MTV cơ khí P thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện thanh toán.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn và đại diện theo pháp luật vắng mặt không lý do. Vì vậy, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Công ty TNHH MTV Cơ khí P khởi kiện Công ty TNHH SXTM chế biến gỗ H phải thanh toán tiền mua hàng còn nợ theo đơn đặt hàng số 21042021/PL-HĐP ngày 21 tháng 4 năm 2021. Công ty TNHH SXTM chế biến gỗ H có trụ sở tại số H10A, KP4, phường T3, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố B1 thụ lý giải quyết yêu cầu của nguyên đơn là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời, Tòa án nhân dân thành phố B1 thụ lý đơn khởi kiện và xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét đơn đặt hàng số 21042021/PL-HĐP ngày 21 tháng 4 năm 2021:

Đơn đặt hàng được lập thành văn bản theo quy định của pháp luật, Công ty TNHH MTV Cơ khí P và Công ty TNHH SXTM chế biến gỗ H là hai pháp nhân, phía Công ty TNHH MTV Cơ khí P có ông Nguyễn Văn T2 giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty ký, phía Công ty TNHH SXTM chế biến gỗ H có bà Lê Thị L giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty ký, như vậy đảm bảo quy định tại Điều 24 Luật Thương mại. Nội dung đơn đặt hàng thể hiện thỏa thuận với nhau về đối tượng của hợp đồng là Công ty TNHH MTV Cơ khí P đồng ý bán cho Công ty TNHH SXTM chế biến gỗ H thanh chống mo, thỏa thuận về số lượng, thời gian, địa điểm giao hàng, phương thức thanh toán, giá cả đơn hàng. Các điều khoản trong đơn đặt hàng đều không trái pháp luật và đạo đức xã hội, đúng ngành nghề kinh doanh, thỏa mãn các điều kiện quy định tại các Điều 24, 34, 35, 37, 50 của Luật Thương mại. Tại thời điểm giao kết chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, đơn đặt hàng đều do người đại diện theo pháp luật ký kết nên xác định hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 280, Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.2] Quá trình thực hiện:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện trong quá trình thực hiện đơn đặt hàng đã ký kết, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận, đã giao đủ số lượng theo yêu cầu, đảm bảo về chất lượng, đúng thời hạn, đúng địa điểm. Mỗi lần giao hàng

đều có phiếu xuất kho và có chữ ký của bên nhận hàng. Điều này đảm bảo quy định tại các Điều 34, Điều 35, Điều 37 Luật Thương mại.

Tuy nhiên, Công ty TNHH SXTM chế biến gỗ H mới chỉ thanh toán cho Công ty TNHH MTV Cơ khí P số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) trên tổng số tiền 66.981.750 (*Sáu mươi sáu triệu chín trăm tám mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng*). Mặc dù, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu nhưng bị đơn vẫn không thanh toán số tiền còn lại.

Công ty TNHH MTV Cơ khí P đã xuất trình các chứng cứ như đơn đặt hàng, phiếu xuất kho, sao kê tài khoản tại Ngân hàng. Như vậy, việc Công ty TNHH SXTM chế biến gỗ H chậm thanh toán tiền hàng cho Công ty TNHH MTV Cơ khí P là có thật.

[3.3] Về yêu cầu của đương sự:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 06/01/2022, ông Nguyễn Văn T2 đại diện pháp luật của Công ty TNHH MTV Cơ khí P yêu cầu Công ty TNHH SXTM chế biến gỗ H phải thanh toán số tiền hàng còn thiếu: 36.981.750đ và tiền lãi 1% tạm tính 6 tháng là 2.218.905đ, tổng cộng 39.200.655đ (*ba mươi chín triệu hai trăm nghìn sáu trăm năm mươi đồng*). Ngày 17/6/2022, ông Nguyễn Văn T2 có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Công ty TNHH SXTM chế biến gỗ H trả tiền lãi suất chậm trả, chỉ yêu cầu thanh toán số tiền hàng là 36.981.750đ (*ba mươi sáu triệu chín trăm tám mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng*). Ngoài ra, không yêu cầu gì khác. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi của nguyên đơn.

Việc Công ty TNHH SXTM chế biến gỗ H không thanh toán hết tiền cho Công ty TNHH MTV Cơ khí P sau khi nhận được hàng là vi phạm hợp đồng, chậm thanh toán. Căn cứ vào Điều 50, Điều 55 của Luật Thương mại và Mục 3 của Đơn đặt hàng, Hội đồng xét xử buộc Công ty TNHH SXTM chế biến gỗ H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV Cơ khí P số tiền gốc mua hàng còn nợ là 36.981.750đ (*ba mươi sáu triệu chín trăm tám mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng*).

[4] Qua kết quả trả lời của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Nai, Công ty TNHH SXTM chế biến gỗ H, trụ sở tại địa chỉ: Số H10A, KP4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; đại diện pháp luật là bà Lê Thị L – Chủ tịch kiêm Giám đốc. Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập Công ty TNHH SXTM chế biến gỗ H cũng như bà Lê Thị L, đại diện theo pháp luật của công ty đến Tòa làm việc nhưng Công ty và bà L vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Cơ khí P.

[5] Về án phí: Bị đơn Công ty TNHH SXTM chế biến gỗ H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV Cơ khí P 3.000.000đồng (*ba triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 235, Điều 238, Điều 264, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 280, Điều 351, Điều 401, Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 433, Điều 434, Điều 435, Điều 436, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 24, Điều 34, Điều 35, Điều 37, Điều 50, Điều 55 Luật Thương Mại năm 2005.

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí P về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” đối với Công ty TNHH Sản xuất thương mại chế biến gỗ H.

Công ty TNHH Sản xuất thương mại chế biến gỗ H phải thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí P số tiền nợ gốc: 36.981.750đ (*ba mươi sáu triệu chín trăm tám mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng*).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí P đối với Công ty TNHH Sản xuất thương mại chế biến gỗ H về việc thanh toán số tiền nợ lãi là 2.218.905đ (*hai triệu hai trăm mười tám nghìn chín trăm lẻ năm đồng*).

3. Về án phí: Công ty TNHH Sản xuất thương mại chế biến gỗ H phải chịu án phí là: 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

Hoàn trả Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí P số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tại biên lai thu số 0000706 ngày 14/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả

các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.B;
- THA B;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thành Thị Thu Trang

TÒA CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN